TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST Ngày: 10 - 5 -2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2021/TLST-HNGĐ ngày 31-12-2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20-4-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: 2249/1/12 tổ 1, ấp 2, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Ngọc A trình bày:

Khoảng cuối năm 2012, ông A và bà Nguyễn Thị Hồng L cùng làm việc tại công ty TNHH Etop V. Sau thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện sống chung với nhau, được gia đình đứng ra tổ chức lễ cưới. Ông A và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013 quyển số 01/2013 ngày 25-6-2013. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc. Sau ông A ra làm tự do, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Bà L hay ghen vô cớ khi ông A giao lưu với bạn bè hoặc đối tác là nữ thì bà L liên lạc làm phiền, nói chuyện xúc phạm họ, gây ảnh hưởng đến công việc của ông. Bà L không tin tưởng ông, lúc nào cũng nghi ngờ ông sống với người phụ nữ khác. Ông đã nhiều lần giải thích, để vợ chồng hiểu nhau hơn, nhưng không thành. Nay tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, và đã sống ly thân hơn năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L.

Về con chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị Hồng L có hai con chung là Phạm Ngọc Mẫn M, sinh ngày 22-9-2013 và Phạm Ngọc Hoàng A1, sinh ngày 02-8-2017. Tại đơn khởi kiện ngày 24-12-2021, ông Phạm Ngọc A có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Ngọc Hoàng A1, cháu Phạm Ngọc Mẫn M do bà Nguyễn Thị Hồng L nuôi dưỡng. Ông Phạm Ngọc A cấp dưỡng nuôi cháu Mẫn M mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, và đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 13-01-2022, ông đồng ý giao hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con là 4.000.000 đồng/tháng/hai con trong tổng thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng của ông.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Ngọc A xác định vợ chồng không

có nợ chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Năm 2012, bà L và ông A quen biết nhau. Quá trình tìm hiểu, đi đến kết hôn đúng như ông A trình bày. Bà không gọi điện làm phiền bạn ông A. Ông A hiện có người phụ nữ khác, bà L chỉ có được một số tấm hình cung cấp cho Tòa, ông A không thừa nhận là do bà L chưa có tài liệu chứng minh. Vợ chồng mâu thuẫn, ông A cũng nhiều lần đánh bà L, nhưng bà L không báo địa phương. Ông A đã ra ở riêng hơn năm nay, từ ngày ra ở riêng ông A cũng không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, ông A không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình. Bà L đồng ý để ông A đi ra ngoài làm ăn hoặc đi với người phụ nữ khác, bất kể lúc nào ông A quay về bà cũng đồng ý. Còn ông A kiên quyết ly hôn thì ông A tự giải quyết, bà L không đồng ý ly hôn, vì muốn con có cha, có gia đình hoàn chỉnh để cùng nhau nuôi dạy con cái nên người. Trường hợp ly hôn, bà L đồng ý nuôi hai con, ông A cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng/con bà L đồng ý, vì từ ngày ông A ra ở riêng, một mình bà nuôi hai con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về mức cấp dưỡng nuôi con, thu nhập hàng tháng của bà từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

Ông Phạm Ngọc A không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, giao con cho bà L nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con, tương ứng mức cấp dưỡng cho hai con là 4.000.000 đồng/tháng.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu ly hôn của ông A. Giao hai con chung cho bà L nuôi dưỡng. Ông A cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc A yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, địa chỉ: khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng L.

Về nội dung: Ông Phạm Ngọc A yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông A:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị Hồng L thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và được ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013, quyển số 01/2013 ngày 25-6-2013, nên hôn

nhân giữa ông A và bà L là hợp pháp.

[3.2] Xét mâu thuẫn trong gia đình: Ông A trình bày bà L hay ghen vô cớ, thường gọi điện, nhắn tin nói chuyện xúc phạm bạn bè, đối tác làm ăn của ông, gây ảnh hưởng đến công việc của ông, lúc nào cũng nghi ngờ ông sống với người phụ nữ khác, nay tình cảm không còn ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về phía bà L, bà cho rằng ông A hiện có người phụ nữ khác, ông A không thừa nhận là do bà L chưa có chứng cứ. Vợ chồng mâu thuẫn, ông A cũng nhiều lần đánh bà L, nhưng bà không trình báo địa phương. Bà L không đồng ý ly hôn, vì muốn con có cha, gia đình hoàn chỉnh để cùng nhau nuôi dạy con cái nên người, bà đồng ý để ông A đi ra ngoài làm ăn hoặc đi với người phụ nữ khác.

Xét tài liệu chứng cứ các bên cung cấp không có cơ sở để xác định có hành vi bạo lực gia đình, hay ông A vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Nhưng ông A, bà L đều thừa nhận vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, đời sống chung giữa ông A và bà L không thể kéo dài, cả hai không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông A yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông A và bà L thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc Mẫn M, sinh ngày 22-9-2013 và Phạm Ngọc Hoàng A1, sinh ngày 02-8-2017, là phù hợp với giấy khai sinh các cháu.

Tại đơn khởi kiện ngày 24-12-2021, ông Phạm Ngọc A yêu cầu nuôi cháu Phạm Ngọc Hoàng A1, cháu Phạm Ngọc Mẫn M giao bà Nguyễn Thị Hồng L nuôi dưỡng. Ông A cấp dưỡng nuôi cháu Mẫn M mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông A đồng ý giao hai con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của ông A.

Xét thấy, hai con đang ở với bà L, bà cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con và từ ngày không sống cùng ông A, bà đi làm có nguồn thu nhập đảm bảo chăm lo cuộc sống cho hai cháu. Mặt khác, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A giao hai cháu Phạm Ngọc Mẫn M và Phạm Ngọc Hoàng A1 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông A, bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc A yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Thị Hồng L.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc A yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí 300.000 đồng dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc A về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Thị Hồng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con là Phạm Ngọc Mẫn M, sinh ngày 22-9-2013 và Phạm Ngọc Hoàng A1, sinh ngày 02-8-2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng/con (cấp dưỡng mỗi con là hai triệu đồng một tháng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005735 ngày 31-12-2021 của Chi cục Thị hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Phạm Ngọc A còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-5-2022), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND P. T, TX.P, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Hà